BỘ TƯ PHÁP

DỰ THẢO

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NGÀNH TƯ PHÁP

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2016/TT-BTP ngày tháng năm 2016 của Bộ Tư pháp)

STT	Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu
(1)	(2)	(3)
01. Xây dựng, thẩm định văn bản		
1	0101	Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do các Bộ, ngành, địa phương soạn thảo, ban hành
2	0102	Số VBQPPL được lồng ghép bình đẳng giới, chính sách về thanh niên *
3	0103	Số đề nghị xây dựng VBQPPL, số dự thảo VBQPPL được thẩm định
02. Kiểm tra, rà soát văn bản		
4	0201	Số văn bản tự kiểm tra xử lý
5	0202	Số văn bản được kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền
6	0203	Rà soát VBQPPL
03. Kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)		
7	0301	Số TTHC và số VBQPPL có TTHC được đánh giá tác động
8	0302	Số TTHC trong dự thảo VBQPPL và số dự thảo VBQPPL có TTHC được thẩm định
9	0303	TTHC và VBQPPL có TTHC được công bố, công khai
10	0304	Rà soát, đơn giản hóa TTHC
11	0305	Số phản ánh kiến nghị về quy định hành chính
04. Phổ biến giáo dục pháp luật		
12	0401	Số tuyên truyền viên, báo cáo viên pháp luật
13	0402	Số cuộc phổ biến giáo dục pháp luật trực tiếp, số cuộc thi tìm hiểu pháp luật
14	0403	Số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật phát miễn phí
15	0404	Số lượng tin bài về pháp luật được đăng tải, phát trên phương tiện thông tin đại chúng

16	0405	Tỷ lệ thanh niên được tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp Luật
17	0406	Số lượng các hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù
05. Hòa giải ở cơ sở		
18	0501	Số tổ hòa giải
19	0502	Số hòa giải viên
20	0503	Số vụ việc hòa giải
06. Hộ tịch		
21	0601	Số trường hợp đăng ký khai sinh trong nước *
22	0602	Số trường hợp đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài
23	0603	Số trường hợp đăng ký khai tử trong nước *
24	0604	Số trường hợp đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài
25	0605	Số cuộc đăng ký kết hôn trong nước *
26	0606	Số cuộc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài
27	0607	Số trường hợp đăng ký các việc hộ tịch khác
28	0608	Số trường hợp đăng ký nuôi con nuôi trong nước
29	0609	Số trường hợp đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài
07. Quốc tịch		
30	0701	Kết quả xác định có quốc tịch Việt Nam
31	0702	Kết quả thông báo có quốc tịch nước ngoài
32	0703	Số trường hợp xin thôi quốc tịch Việt Nam
33	0704	Số trường hợp xin nhập quốc tịch Việt Nam
34	0705	Số trường hợp xin trở lại quốc tịch Việt Nam
08. Chứng thực		
35	0801	Số bản sao; chữ ký, hợp đồng giao dịch và các việc khác được chứng thực
36	0802	Kết quả hoạt động chứng thực tính bằng tiền
09. Công chứng		
37	0901	Số tổ chức hành nghề công chứng; Số công chứng viên
38	0902	Số việc công chứng
39	0903	Kết quả hoạt động công chứng tính bằng tiền

10. Luật sư		
40	1001	Số tổ chức hành nghề luật sư, số Luật sư hành nghề tại các tổ chức hành nghề luật sư trong nước
41	1002	Số việc thực hiện xong của hoạt động luật sư trong nước
42	1003	Kết quả hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong nước tính bằng tiền
43	1004	Số tổ chức hành nghề luật sư, số Luật sư hành nghề tại các tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài
44	1005	Số việc tư vấn pháp luật của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài
45	1006	Kết quả hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tính bằng tiền
11. Giám định tư pháp		
46	1101	Số giám định viên tư pháp
47	1102	Số vụ việc đã thực hiện giám định
12. Bán đấu giá tài sản		
48	1201	Số tổ chức bán đấu giá tài sản và số đấu giá viên
49	1202	Số hợp đồng, Số cuộc bán đấu giá tài sản
50	1203	Kết quả hoạt động bán đấu giá tính bằng tiền
13. Trọng tài thương mại		
51	1301	Số tổ chức trọng tài, Số lượng nhân sự
52	1302	Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài
53	1303	Kết quả giải quyết tranh chấp bằng trọng tài tính bằng tiền
14. Trợ giúp pháp lý		
54	1401	Số lượt người được trợ giúp pháp lý *
55	1402	Số vụ việc trợ giúp pháp lý
56	1403	Số lượng công chức, viên chức, người lao động của Trung tâm trợ giúp pháp lý
57	1404	Số tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý
15. Lý lịch tư pháp		
58	1501	Số phiếu lý lịch tư pháp đã cấp

59	1502	Số lượng thông tin lý lịch tư pháp nhận được và xử lý
60	1503	Số người có lý lịch tư pháp
16. Tình hình yêu cầu bồi thường và giải quyết bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính		
61	1601	Giải quyết bồi thường của cơ quan nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính
62	1602	Thực hiện trách nhiệm hoàn trả trong hoạt động quản lý hành chính
63	1603	Bồi thường theo bản án, quyết định của tóa án có tuyên bồi thường trong quá trình giải quyết vụ án hành chính
64	1604	Giải quyết bồi thường của cơ quan nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự
65	1605	Thực hiện trách nhiệm hoàn trả trong hoạt động thi hành án dân sự
17. Đăng ký giao dịch bảo đảm		
66	1701	Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản là động sản (trừ tàu bay, tàu biển) và kết quả thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông
67	1702	Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm đối với tàu bay, tàu biển
68	1703	Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
18. Ủy thác tư pháp về dân sự của Bộ Tư pháp		
69	1801	Tình hình xử lý hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự của Bộ Tư pháp
19. Pháp chế		
70	1901	Số tổ chức pháp chế, số cán bộ pháp chế
20. Thi hành án dân sự		
71	2001	Kết quả thi hành án dân sự về việc *
72	2002	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc chủ động thi hành án
73	2003	Kết quả thi hành án dân sự về việc theo đơn yêu cầu
74	2004	Kết quả thi hành án dân sự về tiền *
75	2005	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền chủ động thi hành án
76	2006	Kết quả thi hành án dân sự về tiền theo đơn yêu cầu

77	2007	Kết quả xét miễn, giảm nghĩa vụ THADS
78	2008	Kết quả cưỡng chế THADS
79	2009	Kết quả việc theo dõi thi hành án hành chính
21. Xử lý vi phạm hành chính		
80	2101	Số vụ vi phạm hành chính
81	2102	Số đối tượng bị xử phạt
82	2103	Số quyết định xử phạt vi phạm hành chính
83	2104	Số tiền phạt vi phạm hành chính
84	2105	Số quyết định áp dụng các hình thức xử phạt
85	2106	Số quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả
86	2107	Số quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính
87	2108	Số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính
88	2109	Số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính
89	2110	Số người chưa thành niên vi phạm hành chính

*Ghi chú: * Tên Chỉ tiêu hoặc phân tổ thuộc chỉ tiêu được quy định trong Danh mục Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; danh mục hệ thống chỉ tiêu bộ ngành liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên kết vùng…*